

## SƯƠNG NGUYỆT ANH

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

**Sương Nguyệt Anh** (8 tháng 3 năm 1864 - 9 tháng 1 năm 1922), tên thật **Nguyễn Ngọc Khuê**<sup>[1]</sup>, là nhà thơ và là chủ bút nữ đầu tiên của Việt Nam. Tờ báo bà phụ trách là *Nữ giới chung*, tờ báo đầu tiên của phụ nữ được xuất bản tại Sài Gòn<sup>[2]</sup>.



- **Tiểu sử**

*Mộ nữ sĩ Suong Nguyệt Anh tại Ba Tri, Bến Tre*

Nữ sĩ Suong Nguyệt Anh tên thật là **Nguyễn Ngọc Khuê**<sup>[1]</sup>. Ngoài bút hiệu Suong Nguyệt Anh, bà còn ký nhiều bút hiệu khác như Xuân Khuê, Nguyệt Nga, Nguyệt Anh. Bà sinh ngày 8 tháng 3 năm 1864 tại xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, là con gái thứ tư của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu, mẹ là bà Lê Thị Điền, người Cần Giuộc (Long An) trong gia tộc thường gọi bà là Năm Hạnh<sup>[3]</sup>.

Thuở nhỏ, bà cùng người chị thứ tư tên Nguyễn Thị Kim Xuyên, được cha là Đồ Chiểu truyền dạy chữ Hán. Cả hai chị em đều rất thông minh, giỏi cả chữ Hán lẫn chữ Nôm. Lớn lên, nổi tiếng tài sắc, được người quanh vùng ca tụng gọi là Nhị Kiều.

Năm 1888, Suong nguyệt Anh được 24 tuổi thì cha mất. Tri phủ Ba Tường đến hỏi bà làm vợ không được, nên mang lòng oán hận, đang tìm cách hãm hại... Để tránh tai họa, bà cùng gia đình người anh (Nguyễn Đình Chúc) chuyển sang Cái Nứa (Mỹ Tho) rồi dời về Rạch Miễu ở nhờ nhà ông nghề Trương Văn Mãn. Ở đây, bà kết duyên với một phó tổng sở tại góa vợ tên Nguyễn Công Tính<sup>[4]</sup>, sinh được một gái tên là Nguyễn Thị Vinh. Năm con gái được 2 tuổi, thì chồng mất. Từ đó bà thủ tiết nuôi con, thờ chồng và mở trường dạy chữ Nho cho học trò trong vùng để sinh sống.<sup>[5]</sup>

Những năm 1906-1908, hưởng ứng phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu bà bán một phần điền sản và vận động quyền góp để giúp học sinh xuất dương sang Nhật du học.

Năm 1917, Suong Nguyệt Anh được một nhóm chí sĩ ái quốc mời làm chủ bút tờ *Nữ Giới Chung* nghĩa là *tiếng chuông của nữ giới*. Tờ báo ra số đầu tiên ngày 1 tháng 2 năm 1918, với chủ trương nâng cao dân trí, khuyến khích công nông thương và nhất là đề cao vai trò phụ nữ trong xã hội.<sup>[6]</sup> Nhưng dù ngòi bút của Suong nguyệt Anh có khéo léo đến đâu, tầm ảnh hưởng của tờ báo này khiến mật thám Pháp e ngại, tháng 07 năm 1918, tờ Nữ Giới Chung bị đình bản.<sup>[7]</sup> Cũng ngay lúc này, người con gái độc nhất của bà tên Nguyễn Thị Vinh<sup>[8]</sup>, vừa sinh nở xong, ngã bệnh qua đời.

Hết khóc mẹ, khóc cha, khóc chồng, lại phải khóc con cộng với việc viết lách rất lao tâm, khiến đôi mắt của bà thường xuyên đau nhức và sức khỏe cũng dần suy kiệt. Nghe lời thầy thuốc, Suong Nguyệt Anh dẫn cháu ngoại trở về Mỹ

Chánh Hòa (Ba Tri), nương nấu nơi nhà người em út tên là Nguyễn Đình Chiêm (tác giả truyện Phấn Trang Lầu) để chạy chữa, nhưng chỉ một thời gian ngắn sau, đôi mắt bà bị mù lòa hẳn.

Từ đấy, sớm chiều bà lại tiếp tục dò dẫm bốc thuốc, dạy học và sáng tác thơ văn. Sáng sớm ngày 12 tháng chạp năm Tân Dậu (tức 9 tháng 1 năm 1922), Sương Nguyệt Anh trút hơi thở cuối cùng, lúc 58 tuổi <sup>[9]</sup>

Lúc đầu, mộ Sương Nguyệt Anh ở Mỹ Nhơn, về sau (năm 1959) được đồng bào cải táng dời về nằm cạnh mộ phần của song thân bà, tức nằm trong *khư đền thờ và mộ Nguyễn Đình Chiểu* ngày nay.

### • Tác phẩm

Sương Nguyệt Anh sáng tác nhiều, nhưng không gom thành tập. Nay chỉ còn tản mát một số bài thơ, như: *Đoan Ngộ nhật điệu Khuất Nguyên, Tức sự*, *Chinh Phụ thi*, *Thường bạch Mai*, *Vịnh ni cô*, *vua Thành Thái vào Nam*, *cảm tác khi lính Việt đi Âu chiến...* Và vài bài về, như: *Về tiểu yêu*, *Về Thầy Hỷ*, *Về đánh đề ...*

### • Một tấm lòng thơ

Ngoài bản dịch bộ *Yên Sơn ngoại sử* của Trung Quốc ra thơ lục bát, một số ít bài thơ chữ Hán, thể về lục bát; thơ của Sương Nguyệt Anh phần lớn là thơ nôm, theo thể Đường luật...

Để bộc lộ cuộc nợ duyên dang dở của mình, bà viết:

Năm canh thức nhấp...năm canh những  
Nửa gói so le, nửa gói chờ  
Vườn én rỏ ren trên lối cũ,  
Canh gà xao xác giục tình xưa...

Nhưng phần nhiều, thơ của bà là để đối đáp lại những người đã trêu ghẹo, đã tỏ tình với mình, nhằm nêu lên đức kiên trinh của người phụ nữ Nam Bộ, như: *Tiến ông Kinh Hối nhậm chức kinh lịch ở Sa Đéc*, *Họa thơ Bầy Nguyên*,

*Họa thơ Phủ Ngọc*, *Họa thơ Bái Liêu*, *Thường Bạch Mai*, *Vịnh ni cô...*

Trích:

### Thơ của thầy bầy Nguyên

Ai về nhắn với Nguyệt anh cô:  
Chẳng biết lòng cô tính thế mô?  
Không phải vãi chùa toan đóng cửa,  
Đây hồng gắm ghé bắc cầu Ô.  
Sương Nguyệt Anh họa:  
Chẳng phải tiên cô, cũng đạo cô  
Cuộc đời dâu bể biết chi mô  
Lọng sườn dầu rách còn kêu lọng,  
Ô bịt vàng rờn tiếng cũng ô. <sup>[10]</sup>

Trong số bài thơ khác, Sương Nguyệt Anh đã kín đáo gửi gắm tấm lòng yêu nước, thương dân, quan tâm đến thời cuộc.

Vui lòng thánh đế nơi xe ngựa,  
Xót dạ thần dân chốn lửa than  
Nước mắt có cùng trời đất biết,  
Biển dâu một cuộc thấy mà thương.

(*Vua Thành Thái vào Nam*)

và:

Phong cảnh mặc dầu chia đất khác  
Nắng mưa đâu cũng đội trời chung  
Quê người tạm gửi hành dương liễu,  
Đường hoạn xin tròn phận kiếm cung...

(*Tiến ông Kinh Hối nhậm chức*)

Nhìn chung *Thơ Sương Nguyệt Anh không có gì thật đặc sắc, nhưng lời lẽ thanh thoát, có ý vị. Thể về do bà sáng tác có cái chất mộc mạc của thể về truyền thống miền Nam, vừa giữ được ngòi bút cứng cáp, có truyền thống trong gia đình...* <sup>[11]</sup>

Năm 1915, ông Việt sĩ sau khi đã khen ngợi Sương Nguyệt Anh rằng: *Cuộc đời bà đã trải qua biết bao đau khổ, nhưng biết bao nỗi khổ đó hình như để thử thách người thiếu phụ kiên trinh*, ông còn nhận định:

*Nhắc đến Sương Nguyệt Anh, người ta còn thấy lại nơi bà một tấm gương hoạt động cho phái nữ lưu; người ta không quên một cây bút rắn rỏi đã từng nêu*

trên tờ Nữ giới chung nhiều vấn đề lý thú về phận sự đàn bà đối với gia đình và xã hội. Trong buổi giao thời, phụ nữ nước nhà vừa ra khỏi khuê môn để tiếp xúc với văn hóa Âu Tây, bà Sương Nguyệt Anh rất xứng đáng là nữ sĩ tiên phong trên đất Việt<sup>[12]</sup>

- **Chú thích**

1. <sup>a b</sup> Ghi theo tên trên bia mộ của bà tại khu Đền mộ Nguyễn Đình Chiểu ở Ba Tri, Bến Tre. Có tài liệu ghi là **Nguyễn Xuân Khuê, Nguyễn Thị Ngọc Khuê, Nguyễn Thị Xuân Khuê**. Nguyễn Chi thế phổ của gia đình Nguyễn Đình Chiểu ở Bến Tre ghi **Nguyễn Thị Khuê**.
2. Nữ sĩ Sương Nguyệt Anh – chủ bút tờ báo Phụ nữ đầu tiên - Quehuong.org.vn
3. Theo tục lệ miền Nam, con đầu lòng kể thứ hai
4. Theo Nguyễn Liên Phong. Có sách ghi tên Trình, nhưng theo Nguyễn Liên Phong đáng tin hơn, vì ông là người sống cùng thời với Sương Nguyệt Anh. Ở sách *Điều cổ hạ kim thi tập* xuất bản 1915, ông còn cho biết thêm chi tiết: *Con gái ông Đồ Chiểu hình trạng nhỏ nhả ốm yếu, tính nét điềm tĩnh hiền lành. Thờ nhỏ cô lấy chồng, tên là thầy phó Tính, về ở theo quê chồng tại chợ Rạch Miếu...*
5. Chồng mất, bà bèn thêm trước bút hiệu Nguyệt Anh một chữ “sương”, thành Sương Nguyệt Anh, có nghĩa là Nguyệt Anh góa chồng.

6. Toà soạn đặt tại số nhà 15 đường Taberd (nay là đường Nguyễn Du, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh). Chủ nhiệm là ông Henri Blanquière. Tờ báo phát hành định kỳ hàng tuần với các chuyên mục: xã thuyết, văn nghệ, gia chánh, học nghề, cùng các trang lời hay ý đẹp và mẹ con nói chuyện. Có thể nói, "Nữ giới chung" là tờ báo đầu tiên ở nước ta thời đó chú trọng đến việc dạy nữ công, đức hạnh phụ nữ và phê phán những luật lệ khắc khe đối với nữ giới.[1],

7. Theo Nguyễn Ngọc Hiền, *Nữ sĩ Việt Nam*, NXB Thanh Niên, 2005, tr.478

8. Cô Vinh lấy chồng là ông Mai Văn Ngọc, sinh một cô con gái đặt tên Mai Huỳnh Hoa nhũ danh Kim Ba, sau này kết duyên với nhà hoạt động chính trị Phan Văn Hùm (1902-1946), tác giả *Ngồi tù khám lớn* (1929)

9. Ngày mất ghi theo bia mộ. Nhưng theo Mai Huỳnh Hoa thì bà mất tại Ba Tri ngày 2 tháng Chạp năm Canh Thân tức 20 tháng 1 năm 1921 (*Từ điển Văn học*, tập 2. Nxb KHXH, tr. 320).

10. Hai câu thơ cuối này, hiện nay được khắc trên bia mộ của nữ sĩ Sương nguyệt Anh

11. *Tự điển Văn học Việt Nam* (bộ mới), NXB Thế Giới, 2004, tr.1576

12. Dẫn theo GS Trịnh Vân Thanh, *Thành ngữ danh nhân tự điển*, NXB Hồn Thiêng, Sài Gòn, 1966, tr. 1161

**Nguồn: Bách khoa toàn thư mở Wikipedia**